TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Doãn Đức Hùng
2. Ông Đặng Quang Hoạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 986/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim O**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 650, N, ấp A, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn L** – sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 27, tổ 11, đường X, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà O, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2020, tại bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Kim O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn L kết hôn năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Qua thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do ông L thể hiện là một người chồng, người cha gia trưởng và thường xuyên ăn nhậu, hay chửi bới, sống thiếu trách nhiệm với vợ con. Bà đã cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được nên bà đã dọn ra ngoài sinh sống từ năm 2013

cho đến nay. Bà xác định đã không còn tình cảm với ông L nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Quốc K, sinh ngày 27/02/2007. Khi ly hôn bà đồng ý để ông L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và bà đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Văn L nhưng ông Lê Văn L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O về việc ly hôn với ông L; Về con chung: Giao cháu Lê Quốc K cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà O cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung bà O khai không có; Về nợ chung bà O khai không có. Về án phí: Buộc bà O phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Kim O có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Lê Văn L nhưng ông Lê Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim O và ông Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 48/2004 ngày 23/4/2004 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà O, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà O trình bày qua thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do ông L thể hiện là một người chồng, người cha gia trưởng và thường xuyên ăn nhậu, hay chửi bới, sống thiếu trách nhiệm với vợ con. Bà đã cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được nên bà đã dọn ra ngoài sinh sống từ năm 2013 cho đến nay. Bà xác định đã không còn tình cảm với ông L nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông L. Qua xác minh tại địa phương ngày 16/12/2020, thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn gia đình của bà O và

ông L do đương sự không yêu cầu địa phương hòa giải mà trực tiếp nộp đơn yêu cầu Tòa giải quyết. Tuy nhiên, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông Lê Văn L Long đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Lê Văn L không đến, cho thấy ông Lê Văn L không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét thấy, bà O đã không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà Phạm Thị Kim O xin ly hôn với ông Lê Văn L là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim O được ly hôn với ông Lê Văn L.

[3] Về con chung: Bà O và ông L có 01 con chung là cháu Lê Quốc K, sinh ngày 27/02/2007. Khi ly hôn bà O đồng ý để ông L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và bà đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, hiện nay cháu Lê Quốc K đang ở với ông L, cháu K cũng có nguyện vọng được ở với ba, bà O cũng đồng ý. Do đó tiếp tục giao cháu K cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu. Bà O đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kim O trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]Về nợ chung: Bà Phạm Thị Kim O trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà O phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim O.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim O được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Giao cháu Lê Quốc K, sinh ngày 27/02/2007 cho ông Lê Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà O có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà Phạm Thị Kim O.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006141 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Phạm Thị Kim O phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến